

BỘ BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 1

Họ và tên :Lớp 5....

Bài 1: a) Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ sau:

cho:

chết:

bố:

b) Đặt câu với mỗi nhóm từ đồng nghĩa tìm được ở câu a.

Bài 2: - Tìm từ đồng nghĩa với từ *đen* dùng để nói về :

a) Con mèo :

b) Con chó :

c) Con ngựa :

d) Đôi mắt :

- Đặt câu với mỗi từ vừa tìm được.

Bài 3: Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B theo nội dung bài đọc *Quang cảnh làng mạc ngày mùa* (sgk trang 10)

A	B
tàu đu đủ	vàng giòn
làng quê	toàn màu vàng
rom và thóc	vàng xuộm
màu trời	vàng hoe
mái nhà	vàng ối
màu lúa	vàng xọng
chùm quả xoan	vàng mượt
lá mít	vàng mới
tàu lá chuối	vàng hơn thường khi
bụi mía	đỏ chói
con chó	vàng tươi
quả ớt	vàng lịm
nắng	

Bài 4: Liệt kê 5 từ chỉ màu xanh mà em biết, đặt câu với mỗi từ đó.

Bài 5: Phân biệt sắc thái nghĩa của những từ đồng nghĩa (in đậm) trong các tập hợp từ sau :

- “... những khuôn mặt **trắng bệch**, những bước chân nặng như đeo đá.”
- Bông hoa huệ **trắng muốt**.
- Đàn cò **trắng phau**.
- Hoa ban nở **trắng xóa** núi rừng.

Bài 6: Tìm chữ thích hợp với mỗi chỗ trống:

Âm đầu	Đứng trước i, ê, e	Đứng trước các âm còn lại
Âm “cờ”	Viết là.....	Viết là.....
Âm “gờ”	Viết là.....	Viết là.....
Âm “ngờ”	Viết là.....	Viết là.....

Bài 7: Hãy điền chữ thích hợp vào các ô trống sau:

nghioi; suyĩ;oản ngoè;iêng ngả;iên cứu;iện ngậ;
....ênh rạch;ính trọng;ánh xiếc;ông kên; câuét;ẻo kệt.

Bài 8: Hãy lập dàn ý một bài miêu tả buổi sáng mùa đông nơi em sống.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 2

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Dựa vào mô hình phân tích cấu tạo tiếng, em hãy điền: âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối, thanh của các tiếng sau đây vào các cột tương ứng.

Việt Nam đất nước ta ơi!

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.

Tiếng	Âm đầu	Vần			Thanh
		Âm đệm	Âm chính	Âm cuối	
Việt	V		iê	t	nặng

Bài 2: Đặt câu với các thành ngữ sau:

a) Quê cha đất tổ.

.....

b) Nơi chôn rau cắt rốn.

.....

c) Lá rụng về cội.

.....

d) Con Rồng cháu Tiên.

.....

Bài 3: Tìm từ đồng nghĩa trong những câu sau:

- Vua Hùng kén rể làm chồng cho Mị Nương.
 - Họ đang lựa những cây cột có độ cao giống nhau.
 - Chúng tôi đang chọn những con đê khỏe nhất để chọi.
 - Công ty vừa tuyển người lao động.
-
-
-

Bài 4: Thay thế từ ngữ in đậm trong các câu sau bằng từ đồng nghĩa.

- Nơi chúng tôi ở còn **chật hẹp**.
 - Con vật **bỗng** xuất hiện.
 - Nó **không** ăn uống gì cả.
-
-
-

Bài 5: Tìm từ đồng nghĩa với từ *nhanh* thuộc hai loại:

- Cùng có tiếng *nhanh*
 - Không có tiếng *nhanh*
-
-
-

Bài 6: Tìm thêm các từ đồng nghĩa vào mỗi nhóm từ dưới đây và chỉ ra nghĩa chung của từng nhóm:

a) chọn, lựa,.....

Nghĩa chung

.....

b) diễn đạt, biểu đạt,.....

Nghĩa chung

.....
c) đông đúc, tấp nập,.....

Nghĩa chung

.....
Bài 7: Hãy viết một bài miêu tả buổi sáng mùa đông ở nơi em sống.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 3

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Ghép vần của từng tiếng trong hai dòng thơ sau vào mô hình cấu tạo vần dưới đây:

Em yêu màu xanh

Đồng bằng rừng núi.

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
Em		e	m

Bài 2: Phân tích cấu tạo của các tiếng: buổi, chiều, gương, mẫu, ngoan, nghèo.

Tiếng	Âm đầu	Vần			Thanh
		Âm đệm	Âm chính	Âm cuối	

Bài 3: Nối từ với cách giải nghĩa thích hợp:

đồng hương

đồng chí

đồng cảm

đồng đội

Cùng một lòng, chung một ý.

Người cùng quê.

Người cùng chiến đấu.

Cùng ý kiến với ý kiến đã nêu.

Bài 4: Đặt câu với một số từ tìm được ở bài tập 3.

Bài 5: Chọn từ ngữ thích hợp nhất (trong các từ đồng nghĩa cho sẵn ở dưới) để điền vào từng vị trí trong đoạn văn miêu tả sau đây:

Đêm trăng trên Hồ Tây

Hồ về thu, nước (1), (2). Trăng tỏa sáng rọi vào các gợn sóng (3). Bây giờ, sen trên hồ đã gần tàn nhưng vẫn còn (4) mấy đóa hoa nở muện. Mùi hương đưa theo chiều gió (5). Thuyền theo gió cứ từ từ mà đi ra giữa khoảng (6). Đêm thanh, cảnh vắng, bốn bề (7).

Theo Phan Kế Bính

- (1): trong veo, trong lành, trong trẻo, trong vắt, trong sáng.
- (2): bao la, bát ngát, thênh thang, mênh mông, rộng rãi.
- (3): nhấp nhô, lan tỏa, lan rộng, lăn tăn, li ti.
- (4): thưa thớt, thưa thưa, lác đác, lơ thơ, loáng thoáng.

(5): thoang thoáng, ngào ngạt, thơm phức, thơm ngát, ngan ngát.

(6): trổng trải, bao la, mênh mang, mênh mông.

(7): yên tĩnh, yên lặng, im lìm, vắng lặng, lặng ngắt như tờ.

Bài 6: Gạch chân từ khác nhất với các từ còn lại trong dãy từ:

- a) chặt, thái, băm, xé
- b) đeo, xách, gánh, vác
- c) lăn, lê, bò, nhảy
- d) quăng, ném, lia, bỏ

Bài 7: Hãy viết một đoạn văn miêu tả cảnh bình minh hoặc hoàng hôn ở nơi mà em thích.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 4

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Tìm các từ trái nghĩa chỉ:

- a) Sự trái ngược về thời gian
- b) Sự trái ngược về khoảng cách
- c) Sự trái ngược về kích thước thẳng đứng
- d) Sự trái ngược về trí tuệ

Bài 2: Tìm những cặp từ trái nghĩa :

- a) Miêu tả tính cách
- b) Miêu tả tâm trạng
- c) Miêu tả cảm giác

Bài 3: Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh các tục ngữ dưới đây:

- a) Chết **đúng** còn hơn sống
- b) Chết còn hơn sống **đục**
- c) Chết **vinh** còn hơn sống.....
- d) Chết **một đồng** còn hơn sống

Bài 4:

- a) Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau: nhỏ bé, sáng sủa, vui vẻ, cao thượng, cẩn thận, đoàn kết.
- b) Đặt câu với cặp từ trái nghĩa (Hai từ trái nghĩa cùng xuất hiện trong một câu)

Bài 5: Tìm từ trái nghĩa trong khổ thơ dưới đây. Phân tích tác dụng cặp từ trái nghĩa tìm được.

Lung núi thì to mà lưng mẹ nhỏ

Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

Nguyễn Khoa Điềm

Bài 6: Miêu tả ngôi nhà của em.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 5

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Gạch chân dưới các từ:

- Đồng nghĩa với từ **hòa bình**: thanh bình, trung bình, yên bình, bình lặng, bình tĩnh, bình thường, bình an, bình minh
- Trái nghĩa với từ **hòa bình**: loạn lạc, náo động, sôi nổi, chinh chiến, binh biến, lo lắng, xôn xao, loạn ly.

Bài 2: Phát hiện từ đồng âm và giải nghĩa các từ đồng âm trong các câu sau:

- a) Năm nay, em học lớp năm.
- b) Thấy bông hoa đẹp, nó vui mừng hoa chân múa tay rồi rít.
- c) Cái giá sách này giá bao nhiêu tiền?
- d) Xe đang chờ hàng tấn đường trên đường quốc lộ.

Bài 3: Ý nghĩa hài hước của bài ca dao sinh ra từ đâu?

*Bà già đi chợ Cầu Đông
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?
Thầy bói xem quẻ đoán rằng:
Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn.*

Bài 4: Đặt câu để phân biệt các từ đồng âm.

kính:

hâm:

sáo:

.....

.....

Bài 5: Viết một đoạn văn miêu tả cảnh một buổi sáng trên quê hương em trong đó có sử dụng một số từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ hòa bình. Gạch chân dưới các từ đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 6

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Nối các thành ngữ, tục ngữ ở cột A với ý nghĩa ở cột B sao cho phù hợp.

Thành ngữ, tục ngữ	Ý nghĩa
	Chung sức chung lòng, toàn tâm toàn ý thực hiện một nhiệm vụ, một công việc.
	Nhường nhịn, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những niềm vui hạnh phúc và những khó khăn vất vả.

Chung lưng đấu cật
Đồng sức đồng lòng
Kề vai sát cánh
Đồng cam cộng khổ

Bài 2: Tìm và xác định nghĩa của những từ có cùng âm là: *chín, dạ, cao, xe*. Đặt câu với mỗi từ đồng âm ứng với mỗi nghĩa đó.

Bài 3: Gạch chân dưới các từ đồng âm trong những câu sau và giải thích nghĩa của chúng.

- a) Chỉ ăn được một quân tốt, có gì mà tốt chứ.
- b) Lòng hai cái lòng lại với nhau để đỡ công kèn.
- c) Chúng ta ngồi vào bàn bàn công việc đi thôi.
- d) Đi xem chiếu bóng mà mang cả chiếu để làm gì?

Bài 4: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu thành ngữ, tục ngữ không cùng nghĩa.

- a. Đồng cam cộng khổ.
- b. Đồng sức đồng lòng.
- c. Chung lưng đấu cật.
- d. Bằng mặt nhưng không bằng lòng.

Bài 5: Tìm câu trả lời cho những câu hỏi sau của bài hát đó.

Trăm thứ *dầu, dầu* gì không thấp?

Trăm thứ *bấp, bấp* gì không rang?

Trăm thứ *than, than* gì không quạt?

Trăm thứ *bạc, bạc* gì không mua?

Bài 6: Miêu tả một khu vườn em đã được quan sát.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5
TUẦN 7

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Tìm nghĩa gốc của từ **mũi** và các nghĩa chuyển của nó chỉ bộ phận của dụng cụ hay vũ khí.

- Nghĩa gốc của từ **mũi** :.....
- Nghĩa chuyển:
-

Bài 2:

a. Xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ **lá** trong các câu sau:

- **Lá** cờ tung bay trước gió.
- Mỗi con người có hai **lá** phổi.
- Về mùa thu, cây rụng **lá**.
- Ông viết một **lá** đơn dài để đề nghị giải quyết.

b. Xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ **quả** trong các câu sau:

- **Quả** dưa – đàn lợn con nằm trên cao.
- **Quả** cau nho nhỏ.
- Trăng tròn như **quả** bóng.
- **Quả** đất là ngôi nhà chung của chúng ta.
- **Quả** hồng như thề **quả** tim giữa đời.

Bài 3: Đặt câu cho mỗi nghĩa sau đây của từ **đầu** một câu tương ứng.

- a. Bộ phận trên cùng của người, có chứa bộ não.
- b. Vị trí ngoài cùng của một số đồ vật.
- c. Vị trí trước hết của một khoảng không gian.
- d. Thời điểm trước hết của một khoảng thời gian.

Bài 4: Với mỗi nghĩa dưới đây của từ chạy, hãy đặt câu:

- a) Dời chỗ bằng chân với tốc độ cao. (VD : cự li **chạy** 100 m)
- b) Tìm kiếm. (VD: **chạy** tiền)
- c) Trốn tránh. (VD: **chạy** giặc)
- d) Vận hành, hoạt động. (VD: máy **chạy**)
- e) Vận chuyển. (VD: **chạy** thóc vào kho)

Bài 5: Miêu tả một cảnh đẹp thiên nhiên (rừng cây, vườn hoa hoặc dòng sông, suối,...) mà em có dịp quan sát.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 8

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Chia các thành ngữ, tục ngữ sau thành hai nhóm cho phù hợp.

- Đom đóm bay ra, trông cà tra đỗ.
- Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.
- Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.
- Chuồn chuồn bay thấp thì mưa
Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.
- Trăng quầng trời hạn, trăng tán trời mưa.
- Năm trước được cau, năm sau được lúa.

Các hiện tượng thiên nhiên	Kinh nghiệm sản xuất

Bài 2: Đặt câu với các nghĩa sau của từ **chân**:

- Bộ phận cơ thể người hay động vật, tiếp xúc với mặt đất để đi lại.
- Bộ phận của vật tiếp xúc với mặt đất.
- Cầu thủ bóng đá.
- Người trong tổ chức, tập thể nào đó.

Bài 3: Xác định các nghĩa của **quả** trong những cách dùng sau đây:

- a. Cây hồng rất sai **quả**.
 - b. Mỗi người có một **quả** tim.
 - c. **Quả** đất quay xung quanh mặt trời.
-
-
-
-
-
-
-
-

Bài 4: Phân biệt nghĩa các từ in nghiêng, cho biết những từ nào là từ đồng âm, những từ nào là từ nhiều nghĩa.

- a. (1) Cái nhẫn bằng *bạc*.
(2) Đồng *bạc* trắng hoa xòe.
(3) Cờ *bạc* là bác thằng bần.
(4) Tóc ông Ba đã *bạc*.
(5) Đứng xanh như lá, *bạc* như vôi.
(6) Cái quạt máy này phải thay *bạc*.
 - b. (1) Cây *đàn* ghi ta.
(2) Vừa *đàn* vừa hát.
(3) Lập *đàn* để tế lễ.
(4) Bước lên diễn *đàn*.
(5) *Đàn* chim tránh rét trở về.
(6) *Đàn* thóc ra phơi.
-
-
-
-
-
-
-
-

Bài 5: Tìm các từ ngữ và đặt câu.

- a. Tả âm thanh của gió.
- b. Tả âm thanh tiếng mưa.
- c. Tả âm thanh tiếng hát.

Bài 6: Viết đoạn mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả một khu vườn mà em biết.

Họ và tên :Lớp 5....

Bài 1: Các từ ngữ sau đây miêu tả cấp độ của gió. Hãy xếp chúng thành hai loại.

mơn man, hú, phe phẩy, gợn, rít, gào thét, vi vu, hây hẩy, dữ dội, nhẹ nhẹ, hun hút, ào ào, ù ù, thoảng, vùn vũ, khe khẽ.

Các từ ngữ miêu tả gió nhẹ	Các từ ngữ miêu tả gió mạnh

Bài 2: Tìm đại từ trong đoạn văn sau và xác định các đại từ đó thay thế cho từ ngữ nào.

Năm nhuận ấy tôi lên tám. Đúng vào ngày sinh của tôi thì bố tôi mất việc ở nhà máy nước đá. Chuyện bố tôi mất việc cũng đơn giản thôi. Nó bắt nguồn từ người thợ quét vôi bị thăng xếp Tây ở nhà máy mắng bằng tiếng Việt ngay bên cạnh cái bàn nguội của bố tôi, vì mấy giọt vôi bắn vào đôi giày của hắn.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Điền đại từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn sau:

Con đông như được báo trước rào rào kéo đến. Ngàn vạn lá gạo reo lên, múa lên.....chào anh em củalên đường: từng loạt, từng loạt một, những bông gạo tung bay trong gió, trắng xóa như tuyết mịn, tới tấp bay đi khắp hướng.

Bài 4: Giải thích nghĩa của các từ ngữ sau. Với mỗi từ ngữ, đặt một câu làm ví dụ.

tinh thần thượng võ
.....

lưu truyền:

.....

mũi đất:

.....

phập phều:

.....

Bài 5: Dùng đại từ xưng hô để thay thế cho danh từ bị lặp lại (từ in đậm) trong các câu dưới đây:

Chuột chui qua khe hở và tìm ra rất nhiều thức ăn. Là một con chuột tham lam nên **chuột** ăn nhiều đến mức bụng **chuột** phình lên. Sáng ra, chuột tìm đường về ổ, nhưng cái bụng phình to đến mức **chuột** không sao lách qua được khe hở.

Bài 6: Tìm các đại từ xưng hô và nhận xét thái độ, tình cảm của nhân vật khi dùng mỗi đại từ trong đoạn thơ sau:

Má hét lớn: “Tụi bay đồ chó!

Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!

Tao già không sức cầm dao

Giết bay đã có con tao trăm vùng! ”

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 10

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Tìm nội dung chính của các văn bản sau bằng cách nối các ô ở cột A với các ô ở cột B.

Quang cảnh làng mạc ngày mùa

Sắc màu em yêu

Lòng dân

Những người bạn tốt

Sự kì diệu của rừng xanh

Đất Cà Mau

Vẻ đẹp hoang sơ, bí ẩn của rừng xanh

Nét đặc trưng về thiên nhiên, con người Cà Mau.

Cảnh trù phú, đầm ấm của làng quê vào ngày mùa.

Tình cảm gắn bó, chở che của nhân dân với chiến sĩ cách mạng.

Tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước của bạn nhỏ.

Sự gắn bó của cá heo với loài người.

Bài 2: Tìm từ đồng âm trong các câu sau:

- a. Cầu Mĩ Thuận là cầu treo.
- b. Chúng em rất thích đá cầu.
- c. Tôi cầu cho mẹ tôi được khỏe mạnh.

.....
.....
.....
.....

Bài 3: Tìm từ đồng nghĩa với các từ sau và đặt câu với mỗi từ đó.

độc lập, yên tĩnh, đông đúc, thật thà.

.....
.....
.....

Bài 4: - Đặt câu với mỗi nghĩa sau đây của từ **vàng**.

- Kim loại quý, màu vàng, dùng làm đồ trang sức.
- Quý, có nghĩa cao cả và đáng trân trọng.
- Có màu như màu của kim loại vàng.

- Đặt câu với mỗi nghĩa sau đây của từ **đánh**.

- Làm đau bằng cách dùng tay hoặc dùng roi, gây đập vào thân người.
- Dùng tay làm cho phát ra tiếng nhạc hoặc âm thanh.
- Làm cho bề mặt sạch hoặc đẹp bằng cách xát hoặc xoa.

Bài 5: Tìm từ trái nghĩa thích hợp điền vào chỗ chấm:

-một đồng còn hơn sống một người.
- Ăn cỗ, lội nước đi sau.
- No con bụng,.....con mắt.
-đàn còn hơn khôn độc.
- Hữu danhthực.

Bài 6: Viết NC dưới những từ in nghiêng mang nghĩa chuyển và viết NG dưới những từ in nghiêng mang nghĩa gốc:

- Xe này *chạy* rất êm.
- Anh ấy *chạy* rất nhanh.
- Miếng thị này rất *mềm*.
- Cô ấy rất *mềm* tính.
- Mũi* cô ấy rất cao.
- Tôi đang đứng ở *mũi* tàu.

Bài 7: Thay những từ in đậm trong đoạn văn dưới đây bằng các từ đồng nghĩa cho chính xác hơn.

Hoàng **bê** chén nước **bảo** ông uống. Ông **vò** đầu Hoàng và **nói**: “Cháu của ông ngoan lắm! Thế cháu đã học bài chưa ?” Hoàng nói với ông: “Cháu vừa **thực hành** xong bài tập rồi ông ạ !”

Bài 8:

Tả cảnh làng xóm (bản làng, khu phố, khu chung cư,.....) nơi em ở.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 11

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Tìm đại từ xưng hô trong đoạn trích sau, nói rõ từng đại từ thay thế cho từ ngữ nào.

Khi gấu đã đi khuất, anh kia từ trên cây tụt xuống và cười:

- Thế nào, gấu rí tai cậu điều gì thế ?
- À, nó bảo với tớ rằng những người xấu là những kẻ chạy bỏ bạn trong lúc hiểm nghèo.

(Lép Tôn – xtôi)

Bài 2: Điền các quan hệ từ, cặp quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau:

- a. Buổi sáng, mẹ đi làm, bà đi chợ,Loan đi học.
- b. Mùa hè, trời.....nắng.....rất nóng.
- c. Những giọt sương sáng lên trong ánh bình minh tựa.....những hạt ngọc lóng lánh ai bỏ quên bên thảm cỏ ven đường.
- d. Hoa tuyết rơi bám đầy mái tóc vàng óng của em – mái tóc xinh đẹp uốn tự nhiên và bao quanh khuôn mặt bầu bĩnh -em chẳng hề quan tâm.

Bài 3: Tìm quan hệ từ, cặp quan hệ từ trong các câu sau và nêu rõ tác dụng của chúng.

Hằng ngày, bằng tinh thần và ý chí vươn lên, dưới trời nắng gay gắt hay trong tuyết rơi, hàng triệu trẻ em trên thế giới cùng đi học. Nếu phong trào học tập ấy bị ngừng lại thì nhân loại sẽ chìm đắm trong cảnh ngu dốt, trong sự dã man.

Bài 4: Ghi lại các cặp quan hệ từ ở những câu sau và cho biết chúng biểu thị quan hệ gì giữa các bộ phận trong câu.

- a. Vì đến muộn nên Mai không được vào phòng thi.

- b. Tuy chỉ mới có 3 tuổi nhưng cô bé có thể làm được phép tính cộng hai con số.
- c. Nếu trẻ em thành phố có được những sân chơi bổ ích thì mùa hè với chúng sẽ thú vị hơn nhiều.
- d. Mọi người càng chen lấn, đường càng tắc.

Cặp quan hệ từ	Quan hệ biểu thị
1.	
2.	
3.	
4.	

Bài 5: Chọn các đại từ xưng hô *con, họ, chúng ta* điền vào chỗ chấm thích hợp.

Khi về, người cha hỏi :

- Thế..... học được gì từ chuyến đi?
- Có ạ !- Người con đáp -nhìn thấy rằng chúng ta có một con thú cưng, còn họ thì có nhiều chó, lợn, gà thật vui vẻ.có một bể bơi nhỏ xíu trong vườn, cònthì có cả dòng suối, sông thật lớn.phải trả tiền để mua đèn trong nhà, còncó cả bầu trời sao vào buổi tối.xây sân trong chỉ vón vện trước nhà, còncó cả một chân trời.có một mảnh đất nhỏ để xây nhà mà sống, còn.....có những cánh đồng rộng mênh mông.phải mua rau và cây cảnh, còn.....tự trồng được.phải xây những bức tường bao quanh tài sản để bảo vệ , còncó những người bạn bảo vệ nhau.

(Trích *Chúng ta nghèo đến mức nào*)

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 12

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1:

a. Nghĩa các từ đơn trong mỗi dòng dưới đây có điểm gì giống nhau ?

- sóc, sói, sẻ, sáo, sít, sam, sò, sứa, sán.
- sả, si, sung, sen, sim, sâm, sắn, sấu, sậy, sồi.

Nếu thay âm đầu “s” bằng “x”, trong số các tiếng trên, những tiếng nào có nghĩa.

b. Tìm các từ láy theo các khuôn vần ghi ở từng ô trong bảng sau :

1	an – at	ang - ac
2	ôn – ôt	ông – ôc
3	un - ut	ung – uc

Bài 2: Tìm quan hệ từ trong những câu sau và xác định quan hệ từ đó nối những từ ngữ nào với nhau.

Ngày 30-8-1917, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Đội Cận lãnh đạo bùng nổ. Lương Ngọc Quyến được giaie thoát và tham gia chỉ huy nghĩa quân. Ông hi sinh, nhưng tấm lòng trung với nước của ông còn sáng mãi.

Bài 3: Chọn quan hệ từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong các câu sau.

- Những cái bút.....tôi không còn mới.....vẫn tốt.
- Tôi vào thành phố Hồ Chí Minhmáy bay.....kịp cuộc họp ngày mai.
-trời mưa rất to.....nước sông dâng cao.
-cái áo không đẹp.....nó là kỉ niệm của những ngày chiến đấu anh dũng.

Bài 4: Đặt câu với mỗi cặp từ quan hệ sau:

Hễ.....thì; bởi.....nên; tuy.....nhưng; dù.....nhưng.

Bài 5: Lập dàn ý chi tiết cho bài văn tả người bạn thân của em.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 13

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Một số quan hệ từ trong các câu sau đã được sử dụng không chính xác. Gạch chân dưới các lỗi sai ấy và sửa lại cho đúng.

- Nhờ việc đốt nương làm rẫy ở một số địa phương không được kiểm soát chặt chẽ mà nạn cháy rừng vẫn liên tiếp diễn ra.
- Bởi vì biết đánh bắt cá bằng thuốc nổ là một hành động phá hoại môi trường nên anh ấy vẫn làm.
- Rừng ngập mặn tuy góp phần bảo vệ vững chắc đê điều nên làm tăng thêm thu nhập cho người dân.

Bài 2: Hãy sử dụng các cặp quan hệ từ để chuyển mỗi cặp câu sau thành một câu.

- a. Tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực. Chẳng bao lâu, tôi trở thành chàng rể thanh niên cường tráng.
- b. Mùa hè đến, các bông hoa trở nên rực rỡ hơn. Những âm thanh cũng rộn rã, tươi vui hơn.
- c. Mẹ mất sớm, hoàn cảnh gia đình Loan rất khó khăn. Tuy thế, 5 năm liền bạn ấy luôn là học sinh giỏi.
- d. Tên Dậu là thân nhân của hắn. Chúng con bắt nó nộp thuế thay.
- e. Bạn An học giỏi Toán. Bạn ấy học Tiếng Việt cũng cừ.
- f. Chúng em còn nhỏ tuổi. Chúng em quyết tâm làm những công việc có ích cho môi trường.

Bài 3: Thay những cặp quan hệ từ in đậm bằng những cặp quan hệ từ khác nhưng cùng nghĩa.

- a. Thiên nhiên Hạ Long **chẳng** những kì vĩ mà còn duyên dáng.
- b. Tuy bốn mùa là vậy, nhưng mỗi mùa Hạ Long lại có những nét riêng biệt, hấp dẫn lòng người.

Bài 4: Khoanh tròn từ ngữ không cùng loại.

- Phủ xanh đất trống đồi núi trọc, trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng, đốt nương, bảo vệ nguồn nước.
- Khai thác gỗ bừa bãi, đốt nương làm rẫy, săn bắt động vật hoang dã, trồng cây, đánh bắt cá bằng thuốc nổ.

Bài 5: Viết đoạn văn khoảng 10 câu về vấn đề bảo vệ môi trường, trong đó có sử dụng 2 trong các từ ngữ trên.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 14

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Cho các câu kể sau.

- Những bông hoa đã héo úa sau một ngày khiêu vũ mệt nhoài.
- Lượm vừa đi vừa hát.
- Em ấy chính là tấm gương cho các bạn noi theo.
- Anh đưa giúp em chiếc điện thoại màu xanh của Mai với.

Em hãy các từ gạch chân vào bảng sau cho phù hợp.

Từ loại	Từ
Danh từ chung	
Danh từ riêng	
Đại từ xưng hô	
Đại từ thay thế	

Bài 2: Cho đoạn văn sau:

Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tập nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, ốc, le le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, kết ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay về cả vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh cò vêu vào ngày ngày bị bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào.

Theo Tô Hoài.

Em hãy hoàn thành bảng phân loại bên dưới.

Động từ	Tính từ	Quan hệ từ
.....
.....
.....
.....

Bài 3: Gạch chân các đại từ xưng hô trong đoạn văn sau:

Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi :

- Mẹ đưa bút thước cho con cầm.

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt âu yếm:

- Thôi để mẹ cầm cũng được.

Tôi có ngay cái ý nghĩ non nớt và ngây thơ này: chắc chỉ có người thạo mới cầm được bút thước. Ý nghĩ ấy thoáng qua trong tôi như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

(Tôi đi học – Thanh Tịnh)

Bài 4: Hãy thay quan hệ từ trong từng câu dưới đây bằng quan hệ từ khác để có câu đúng.

- a. Nếu Rùa biết mình chậm chạp nên nó cố gắng chạy thật nhanh.
- b. Tuy Thỏ cắm cổ chạy miết nên nó vẫn không đuổi kịp Rùa.
- c. Vì Thỏ chủ quan, coi thường người khác nhưng Thỏ đã thua Rùa.
- d. Câu chuyện này không chỉ hấp dẫn, thú vị nên nó còn có ý nghĩa giáo dục rất sâu sắc.

Bài 5: Mỗi câu trong đoạn văn sau thuộc kiểu câu nào ?

Đó là một buổi sáng đầu xuân. Trời đẹp. Gió nhẹ và hơi lạnh. Ánh nắng ban mai nhạt loãng rải trên vùng đất đỏ công trường tạo nên một hòa sắc êm dịu.

(Theo Hồng Thúy)

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 15

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Tìm 3 từ chứa tiếng “phúc” với nghĩa “may mắn, tốt lành” và đặt câu với những từ đó.

Bài 2: Sắp xếp các thành ngữ, tục ngữ sau vào các chủ đề cho phù hợp.

- Môi hở răng lạnh.
- Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy.
- Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.
- Học thầy không tày học bạn.
- Gàn mực thì đen, gàn đèn thì rạng.
- Muốn sang phải bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy.

Quan hệ gia đình	Quan hệ thầy trò	Quan hệ bạn bè
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3: Kể những từ ngữ nói về người ở những phương diện:

- Hoạt động, tính chất
- Tính chất, đặc điểm trí tuệ.
- Tính tình, thói nết.
- Cách ăn uống.

Bài 4: Tìm những thành ngữ, tục ngữ nói về cách nói năng của con người.

Bài 5: Lập dàn ý cho bài văn miêu tả cô giáo đang giảng bài.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 16

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Tìm từ đồng nghĩa và trái nghĩa với các từ *bé, già, sống*

Từ	bé	già	sống
Đồng nghĩa
Trái nghĩa

Bài 2: Tìm những từ ngữ chỉ màu sắc, những từ chỉ cử chỉ, hoạt động trong đoạn thơ sau:

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh
Người các ấp tung bưng ra chợ Tết
Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon
Vài cụ già chống gậy bước lom khom
Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ.

Đoàn Văn Cừ

Bài 3: Xếp các chi tiết, hình ảnh thể hiện tính cách của cô Chấm theo văn bản Cô Chấm (Tiếng Việt 5, tập 1, trang 156) vào các cột sau cho thích hợp.

- Đôi mắt Chấm định nhìn ai thì dám nhìn thẳng.
- Chấm cần lao động để sống.
- Chấm hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương.
- Chấm không đua đòi may mặc.
- Nghĩ thế nào, Chấm dám nói thế.
- Có những cảnh ngộ trong phim làm Chấm khóc gần suốt buổi.
- Chấm mộc mạc như hòn đất.
- Khi Chấm không làm, cô thấy chân tay bút rứt.

Thẳng thắn	Chăm chỉ	Giản dị	Giàu tình cảm
a.....

Bài 4: Từ nào dưới đây không đồng nghĩa với từ đã cho?

- | | |
|-------------------------------------|------------------------------------|
| a. nhân hậu | b. dũng cảm |
| <input type="checkbox"/> nhân ái | <input type="checkbox"/> anh dũng |
| <input type="checkbox"/> nhân từ | <input type="checkbox"/> mạnh bạo |
| <input type="checkbox"/> nhân dân | <input type="checkbox"/> lòng dũng |
| <input type="checkbox"/> nhân nghĩa | <input type="checkbox"/> gan dạ |
| c. trung thực | d. cần cù |
| <input type="checkbox"/> thật thà | <input type="checkbox"/> mẫn |
| <input type="checkbox"/> chân thật | <input type="checkbox"/> chăm chỉ |
| <input type="checkbox"/> thành thật | <input type="checkbox"/> bền bỉ |
| <input type="checkbox"/> sự thật | <input type="checkbox"/> kiên nhẫn |
| | <input type="checkbox"/> tận tảo |

Bài 5: Viết các câu có sử dụng biện pháp so sánh.

- Tả nụ cười của một người.
- Tả mái tóc của một người.
- Tả đôi mắt của một người.
- Tả một dòng sông hoặc một dòng suối.

Bài 6: Tả một người trong gia đình vừa trở về nhà sau chuyến đi xa.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 17

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Phân loại các từ trong đoạn thơ dưới đây vào các cột từ loại.

Tre xanh

Xanh tự bao giờ
Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh
Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên lũy, nên thành tre oi
Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi, đất vôi bạc màu.

(Trích Tre Việt Nam – Nguyễn Duy)

Từ đơn	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy
.....
.....
.....
.....

Bài 2: Xếp các dãy từ vào đúng các cột cho phù hợp.

Từ đồng nghĩa	Từ đồng âm	Từ nhiều nghĩa
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

- lưỡi mèò, lưỡi gươm, lưỡi lửa
- nốt la, con la, la hét
- vàng khè, vàng ruộm, vàng óng
- cục đá, đá vào gôn
- mũi hếch, mũi thuyền, mũi đất
- nhanh nhẹn, nhanh nhẩu, nhanh chóng.

Bài 3: Xác định kiểu câu cho các câu sau:

- Chúng tôi hỏi đường đến công viên Thủ Lệ.

- b. Thưa bác, đi thế nào để đến được công viên Thủ Lệ ?
 - c. Bác làm ơn chỉ giúp cháu đường đến công viên Thủ Lệ ạ ?
 - d. Chao ôi, đường đến công viên Thủ Lệ xa quá !
-
-
-
-
-

Bài 4: Tìm từ trái nghĩa thích hợp điền vào chỗ trống trong các thành ngữ, tục ngữ sau:

- a. Đất không chịu.....,phải chịu đất.
- b.sao thì nắng,vắng sao thì.....
- c.người, đẹp nét.

Bài 5: Xác định chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ trong các câu sau:

- a. Ngày hôm qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng đã bắt đầu kết trái.
- b. Trên mặt biển, đoàn thuyền đánh cá lướt nhanh.
- c. Bằng cái giọng ngọt ngào, con bìm bịp trầm âm, báo hiệu mùa xuân đến.
- d. Sóng nước Hạ Long quanh năm trong xanh.
- e. Bốn mùa Hạ Long mang trên mình một màu xanh đậm thắm.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 18

Họ và tên :Lớp 5...

1. Phần trắc nghiệm

Bài 1: Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau đây:

a. Từ “**kén**” trong câu: “**Tính cô ấy kén lắm.**” thuộc từ loại nào?

- A. Động từ B. Tính từ C. Danh từ D. Đại từ

b. Câu: “**Ồ, bạn Lan thông minh quá!**” bộc lộ cảm xúc gì?

- A. thán phục B. ngạc nhiên
C. đau xót D. vui mừng

c. Câu nào là câu khiến?

- A. Mẹ về đi, mẹ ! B. A, mẹ về! C. Mẹ về rồi. D. Mẹ đã về chưa?

d. Tiếng “**trung**” trong từ nào dưới đây có nghĩa là ở giữa ?

- A. trung kiên B. trung hiếu C. trung nghĩa D. trung thu

e. Từ “**đánh**” trong câu nào dưới đây được dùng với nghĩa gốc ?

- A. Các bạn không nên đánh nhau.
B. Bác nông dân đánh trâu ra đồng.
C. Sáng nào, bố cũng đánh thức em dậy tập thể dục.

f. Nhóm từ nào dưới đây không phải là từ ghép ?

- A. máu mủ, mềm mỏng, máy may, mơ mộng. B. lạnh lẽo, chậm chậm, thung lũng, vùng vẫy.
C. bập bùng, thoang thoảng, lập lòe, lung linh. D. mây mưa, râm ran, lạnh lạnh, chậm chậm.

Bài 2 a) Tìm những từ đồng nghĩa và trái nghĩa với từ “**cố ý**” ?

b) Chọn các từ sau để xếp thành các nhóm từ đồng nghĩa:

chăm bấp, lung lay, võ vè, i eo, chứa chan, thiết tha, ngập tràn, ca thán, lấp lánh, lạnh lung, ê a, lấp loá, đầy ắp, dỡ dành, da diết, nồng nàn, long lánh.

Bài 3:

a) Các từ được gạch dưới trong đoạn văn sau thuộc từ loại gì?

(danh từ, động từ, tính từ, đại từ, quan hệ từ)

Thời gian trôi đi nhanh quá. Tôi đã trưởng thành, đã là một thanh niên, đã có công ăn việc làm, đã có xe máy, đã phóng vu vù qua khắp phố phường, thì tôi vẫn cứ nhớ mãi những kỉ niệm thời ấu thơ. Tôi cứ nhớ mãi về bà, về sự thương yêu của bà, và lòng tôi cứ bùi ngùi thương nhớ...

b) Chia các từ sau thành ba nhóm: danh từ, động từ, tính từ

biết ơn, ý nghĩa, vật chất, giải lao, lòng biết ơn, hỏi, điều, trao tặng, câu hỏi, ngây ngô, sự trao tặng, nhỏ nhen, chắc, sống động.

Bài 4:

a) Xác định chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ trong câu sau:

Tối hôm ấy, vừa ăn cơm xong, một thanh niên to, cao, khoác trên mình chiếc áo choàng đen bước vội đến địa điểm đã hẹn.

b) Mỗi dấu phẩy trong câu sau có tác dụng gì?

Trưa, ăn cơm xong, tôi đội chiếc mũ vải, hăm hở bước ra khỏi nhà.

Bài 5: Hãy giải câu đố sau và xét từ quả được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển ?

Quả gì không mọc từ cây

Lại cho cây mọc đó đây ngàn trùng

Không thơm nhưng biết quay vòng

Không ăn nhưng khắp bốn phương sống nhờ?

(Là quả gì ?)

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 19

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Xác định cách nối các vế trong những câu ghép sau:

- Chẳng những hải âu là bạn của bà con nông dân, mà hải âu còn là bạn của những em nhỏ.
- Ai làm, người ấy chịu.
- Ông tôi đã già, nên chân đi chậm chạp hơn, mắt nhìn kém hơn.
- Mùa xuân đã về, cây cối ra hoa kết trái, và chim chóc hót vang trên những chùm cây to.

Bài 2: Dùng từ ngữ thích hợp để nối các vế sau thành câu ghép.

- a. trời mưa rất to / đường đến trường bị ngập lụt.
- b. anh ấy không đến / anh ấy có gửi quà chúc mừng.
- c. các em không thuộc bài / các em không làm được bài tập.

Bài 3: Thêm một vế câu vào ô trống để tạo thành câu ghép.

- a. Vì trời mưa to.....
- b. Mưa to kéo dài hàng hai ba tiếng đồng hồ.....
- c. Nhờ bạn Thu cố gắng hết sức mình.....

Bài 4: Viết câu theo mô hình sau, mỗi mô hình viết 3 câu:

- C – V , C – V
- TN , C – V , C – V
- Tuy C – V nhưng C – V

Bài 5: Các vế câu trong từng câu ghép dưới đây được nối với nhau bằng cách nào (dùng từ có tác dụng nối hay dùng dấu câu để nối trực tiếp)

- a. Mùa thu, gió thổi mây về phía cửa sông, mặt nước phía dưới cầu Tràng Tiền đen sẫm lại.
- b. Đêm đã rất khuya nhưng mẹ em vẫn cặm cụi ngồi soạn bài.
- c. Em ngủ và chị cũng thiu thiu ngủ theo.
- d. Mưa rào rào trên sân gạch; mưa đồm độp trên phen nứa, đập bùng bùng vào lòng lá chuối.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 20

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Tìm câu ghép trong đoạn văn dưới đây. Xác định các vế câu và các quan hệ từ trong câu.

- Nắng vàng lan nhanh xuống chân núi rồi rải vội lên đồng lúa. Bà con xã viên đã đổ ra đồng cấy mùa, gặt chiêm. Trên những ruộng lúa chín vàng, bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô, tiếng cười nhộn nhịp vui vẻ.
(Hoàng Hữu Bội)
- Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

(Hồ Chí Minh)

Bài 2: Tìm quan hệ từ hoặc cặp quan hệ từ thích hợp điền vào chỗ chấm.

- a.đồng bào ra sức thi đua tăng gia sản xuất.....dân ta.....có chặt vật ít nhiều.....vẫn tránh khỏi nạn đói.
- b.đồng bào hăng hái ủng hộ, và các chiến sĩ bình dân học vụ tận tụyđã mấy tỉnh như Quảng Ngãi, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Thái Bình đã diệt xong giặc đói.
- c.toàn dân ra sức ủng hộ và bộ đội cùng dân quân du kích ta dũng cảm và nhờ anh chị em công nhân ta ra sức chế tạo vũ khí.....từ Nam đến Bắc ta đã thắng nhiều trận vẻ vang.
- d.trời mưa.....chúng em sẽ nghỉ lao động.
- e. Ông đã nhiều lần can gián..... vua không nghe.
- f.nó ốm.....nó vẫn đi học.
- g.Nam hát rất hay.....Nam vẽ cũng giỏi.
- h. Lúa gạo quý.....ta phải đổ bao mồ hôi mới làm ra được.
- i. Lúa gạo là quý nhất.....lúa gạo nuôi sống con người.
- j.cha mẹ quan tâm dạy dỗ.....em bé này rất ngoan.
- k.cây lúa không được chăm bón.....nó cũng không lớn lên được.
- l.con người quai đê lấn biển, làm đầm nuôi tôm.....một phần rừng ngập mặn đã mất đi.

Bài 3: Đặt câu ghép có dùng quan hệ từ sau.

- a. Song
- b. Vì.....nên.....
- c. Không chỉ.....mà.....

d. Tuy.....nhưng.....

Bài 4: Tìm từ có tác dụng nối hoặc dấu câu thích hợp để điền vào chỗ trống.

- Sự sống cứ tiếp tục trong âm thầm.....hoa thảo quả nảy dưới gốc cây kín đáo và lặng lẽ.
- Chuột là con vật tham lam.....nó ăn nhiều quá, nhiều đến mức bụng chuột phình to ra.
- Đến sáng, chuột tìm đường về ổ nó không sao lách qua khe hở được.
- Mùa nắng, đất nẻ chân chim.....nền nhà cũng rạn nứt.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 21

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Tìm trong ô vuông dưới đây từ **công dân** và bảy từ ghép có thể kết hợp ở phía trước hoặc ở phía sau từ **công dân**. Cho biết từ nào kết hợp được phía trước, từ nào kết hợp được phía sau từ **công dân**.

VỤ	QUYỀN	CÔNG	PHẬN
DỰ	TRÁCH	THỨC	MẪU
GUƠNG	BỒN	DANH	LỢI
DÂN	Ý	NGHĨA	NHIỆM

Bài 2: Nối những vế ở cột A thích hợp với vế ở cột B để tạo thành câu ghép.

A	B
a. Vì trời đã trở rét	mà hòa còn thích đá bóng
b. Tuy nó không đến	thì bạn cần nhớ những quy tắc toán học
c. Nếu bạn thích học môn Toán	nhưng nó có gửi quà đến
d. Không những Hà thích ca hát	nhìn mọi người đã mặc áo ấm

Bài 3: Thêm vào chỗ trống một vế câu thích hợp để tạo thành câu ghép chỉ nguyên nhân – kết quả.

- a. Vì bạn Mai không làm bài tập.....
- b.nên Lan đã đạt được điểm cao trong kì thi.
- c.đường sá trở nên lầy lội.
- d. Vì mãi chơi.....
- e. Vì không tập trung nghe giảng.....
- f. Vì nhà nghèo quá.....
- g. Do nó chủ quan.....

Bài 4: Viết tiếp vế câu thích hợp về quan hệ ý nghĩa để tạo nên những câu ghép.

- a. Chúng tôi rất mến bạn Lan vì.....
- b. Bởi tôi ăn uống điều độ nên.....
- c. Nhờ tập thể động viên và giúp đỡ.....
- d. Bạn Linh thích xem phim hoạt hình vì.....

Bài 5: Nghĩa nào dưới đây thích hợp với từng quan hệ từ sau : do, tại, nhờ.

- a. Điều sắp nói ra là nguyên nhân dẫn đến kết quả tốt đẹp được nói đến.
- b. Điều sắp nói ra là nguyên nhân của sự việc nói đến.
- c. Điều sắp nói ra là nguyên nhân của sự việc không hay - được nói đến.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 22

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Tìm quan hệ từ thích hợp với mỗi chỗ trống để tạo ra những câu ghép chỉ điều kiện – kết quả hoặc giả thiết – kết quả.

-Hân biết hát Hân đã hát thật to hàng chục bài liền.
-công nhân tăng năng suất.....chỉ hai hôm nữa xí nghiệp sẽ hoàn thành kế hoạch.
-ông không thương mà bắtvợ con tôi sẽ chết đói.
-anh không làm như thế.....anh sẽ bị lãnh đạo phê bình.

Bài 2: Trong các câu ghép dưới đây, câu ghép nào biểu thị quan hệ **điều kiện – kết quả , giả thiết – kết quả**.

- Vì người dân buôn Chư Lênh rất yêu quý “ cái chữ ” nên họ đã đón tiếp cô Y Hoa trang trọng và thân tình đến thế.
 - Mặc dù cô Y Hoa được dân làng trọng vọng nhưng cô vẫn rất thân mật, hòa mình với tất cả mọi người.
 - Nếu trẻ em không được học chữ thì cuộc sống của các em sau này sẽ rất khó thoát khỏi cảnh lạc hậu, tối tăm.
-
-
-

Bài 3: Trong các câu ghép dưới đây, câu ghép nào biểu thị quan hệ **tương phản**.

- Vì Trần Thủ Độ là người có công lập nên nhà Trần nên ai cũng nể trọng ông.
 - Tuy Trần Thủ Độ là chú của vua và đứng đầu trăm quan nhưng ông không cho phép mình vượt qua phép nước.
 - Nếu Trần Thủ Độ chỉ nghĩ đến tình riêng, bỏ qua phép nước thì ông đã cho người kia giữ chức câu đương.
-
-
-

Bài 4: Thêm một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép chỉ quan hệ **tương phản**.

- a. Nước có thể trôi đi, nước có thể về biển cả
- b. Tuy Nguyễn Ngọc Kí bị liệt cả hai tay từ nhỏ.....
- c. Mặc dù cuộc sống gặp nhiều khó khăn.....
- d. Dù là trời đã khuya.....
- e., nhưng khi trời vẫn mát mẻ.
- f. Tuy bạn em rất chăm học.....
- g.mà anh ấy vẫn làm việc hăng say.

Bài 5: Tìm câu ghép và phân tích câu ghép trong đoạn thơ .

Cuộc đời tuy dài thế
 Năm tháng vẫn qua đi
 Như biển kia dẫu rộng
 Mây vẫn bay về xa.

(Xuân Quỳnh)

Vế 1	Vế 2	Quan hệ ý nghĩa	Quan hệ từ
.....
.....
.....
.....
.....

TUẦN 23

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Trong các câu ghép dưới đây , câu ghép nào biểu thị quan hệ **tăng tiến**

- Ông Đỗ Đình Thiện không những là chủ của một số nhà máy, tiệm buôn nổi tiếng mà ông còn là chủ của nhiều đồn điền rộng lớn.
- Vì ông Thiện là người nhiệt thành yêu nước nên ông đã dành sự trợ giúp to lớn cho Cách mạng.
- Tuy ông Đỗ Đình Thiện hết lòng ủng hộ Cách mạng nhưng ông không hề đòi hỏi sự đền đáp nào.

Bài 2: Thêm một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép chỉ quan hệ **tăng tiến**.

- Không những chúng em vui chơi thỏa thích , mà
- Chẳng những lớp em có nhiều bạn hát hay, mà còn.....
- Đất nước ta không chỉ có tài nguyên thiên nhiên quý giá, mà còn
- Anh của em không chỉ giỏi môn bóng chày, mà.....

Bài 3: Nối các vế câu tương ứng để tạo thành câu ghép chỉ quan hệ **tăng tiến**.

A	B
a. Lớp em không chỉ có phong trào văn nghệ khá,	mà còn tạo ra vẻ đẹp cho ngôi trường
b. Con đường ấy chẳng những gồ ghề, lầy lội,	mà lại rất dễ sử dụng
c. Cây phượng trước cổng trường không những mang lại bóng mát cho con người,	mà còn có thành tích cao trong các môn thể thao
d. Chiếc xe không những đẹp,	lại còn phải qua một con đò

Bài 4: Tìm trong bảng những từ thuộc 5 nhóm : những biểu hiện của trật tự, những biểu hiện của mất trật tự, những người giữ gìn trật tự, những hành động gây mất trật tự, những hành động giữ gìn trật tự.

tai nạn giao thông	xếp hàng	cảnh sát giao thông	quậy phá	hành hung
vượt ẩu	cảnh sát khu vực	chiếm lề đường	lấn chiếm vỉa hè	vượt đèn đỏ
say rượu	không ồn ào	xử phạt	chạy quá tốc độ	cảnh sát bảo vệ
không cãi nhau	mở rộng đường	va chạm giao thông	công an điều tra	không đánh nhau
kẻ vạch vôi	đua xe	lạng lách	không chen lấn	dân phòng

Bài 5: Các câu ghép sau đây biểu thị quan hệ gì, phân tích cấu tạo của từng câu ghép đó.

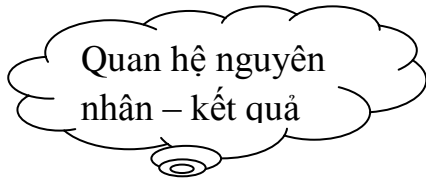
- a. Nếu trời trở rét thì con phải mặc áo ấm.
- b. Giả như Lan chăm chỉ học hành thì cô ấy đã đạt điểm cao trong kì thi.
- c. Mặc dù trời rất nắng nhưng các bác nông dân vẫn hăng hái gặt lúa.
- d. Lan không chỉ học giỏi mà còn hát rất hay.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

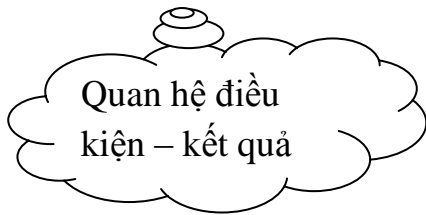
TUẦN 24

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Xác định từng cặp quan hệ từ thể hiện mối quan hệ giữa hai vế câu ghép nêu dưới đây.

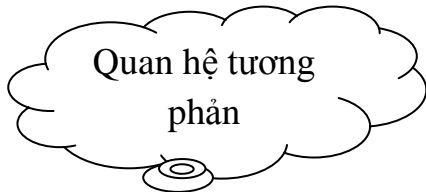


Tại vì.....cho nên.....



Mặc dù.....nhưng.....

Giá.....thì.....



Chẳng những.....mà còn.....

Nếu như.....thì.....

Do.....nên.....

Tuy.....nhưng.....



Hễ mà.....thì.....

Không chỉ.....mà còn.....

Nhờ.....mà.....

Bài 2: Thêm vế thích hợp vào cho thành câu ghép hô ứng.

- Mọi người chưa đến đông đủ.....
- Họ vừa đi đường.....
-, nó làm như vậy.
-, anh ấy đã hiểu ngay.

Bài 3: Thêm từ hô ứng vào chỗ trống để nối các vế câu thành câu ghép.

- Thầy giáo.....cho phép, bạn ấy.....ra về.
- Anh đi, em đi.....
- Chúng emnhìn bảng, chúng em vừa chép bài.
- Mọi ngườicười, nóxấu hổ.

- e. Ông mặt trời.....xuống gần mặt biển thì Thúy nhìn thấy ôngto hơn, đỏ rực hơn.
- f. Con gà nhà tôi.....dứt tiếng gáy thì khắp nơi trong làng..... rộn lên những tiếng gà gáy.
- g. Con gà mẹ đithì đàn gà con mới nở lại chiêm chiếp đi theo đến đó.
- h. Gió to, con thuyền.....lướt nhanh trên mặt biển.
- i. Đám mây bay đến....., cả một vùng rộng lớn rợp mát đến.....
- j. Trời.....tối hẳn, vàng trắng tròn vành vạnh.....hiện ra.
- k. Thuyềncập bến, bọn trẻ.....xúm lại.

Bài 4: Trong những câu ghép dưới đây, các vế câu được nối với nhau bằng những từ nào? Gạch chân dưới các từ ngữ đó.

- a. Họa mi chưa nói dứt lời thì vàng thái dương bỗng hiện lên chói rực.
- b. Trời càng rét thông càng xanh.
- c. Chùa đã đến khu rừng già mà trời vẫn còn sớm, mây mù phủ dày đặc làm cho bóng nó lúc ẩn lúc hiện trên con đường mòn giữa rừng.
- d. Mưa phùn ướt áo tứ thân
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu.

Bài 5: Tác dụng của cặp từ hô ứng là gì?

- a. Để thể hiện quan hệ về nghĩa giữa các tiếng.
- b. Để thể hiện quan hệ về nghĩa giữa các từ.
- c. Để thể hiện quan hệ về nghĩa giữa các vế câu.
- d. Tất cả đều đúng.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5
TUẦN 25

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Tìm từ ngữ được lặp lại trong đoạn văn sau và nêu tác dụng liên kết câu của chúng.

Người ta lần tìm tung tích nạn nhân. Anh công an lấy ra từ túi áo nạn nhân một mớ giấy tờ. Ai nấy bàng hoàng khi thấy trong xếp giấy một tấm thẻ thương binh.

Bài 2: Tìm từ ngữ thay thế và từ ngữ được thay thế trong đoạn văn sau.

- Dan ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta.
- Thủy tinh thua trận bèn rút quân. Nhưng từ đó, vị thần nước năm nào cũng dâng nước lên cao.
- Tôi đã học thuộc bài thơ của Trần Đăng Khoa. Trong tác phẩm ấy, tác giả đã miêu tả cơn mưa rất sinh động.

Bài 3: Dùng cách lặp từ ngữ hoặc thay thế từ ngữ ở những chỗ trống sao cho thích hợp với sự liên kết của các câu.

Tháng trước, trường của Út Vịnh đã phát động phong trào Em yêu đường sắt quê em. Học sinh cam kết không chơi trên, không ném đá lên tàu và....., cùng nhau bảo vệ cho những chuyến tàu qua. Vịnh nhận việc khó nhất là thuyết phục Sơn – một bạn rất nghịch thường chạy trên.....thả diều. Thuyết phục mãi.....mới hiểu ra và hứa không chơi đại.....nữa.

(Theo Tô Phương)

Bài 4: Mỗi từ ngữ in đậm dưới đây thay thế cho từ ngữ nào? Cách thay thế từ ngữ ở đây có tác dụng gì ?

a. Hoan hô anh giải phóng quân

Kính chào Anh, **con người đẹp nhất**

Lịch sử hôn Anh, **chàng trai chân đất**

Sống hiên ngang bất khuất trên đời

Như **Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi.** (Tố Hữu)

b. Mình về với Bác đường xuôi

Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người

Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời

Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường. (Tố Hữu)

Bài 5: Tác dụng của việc thay thế từ ngữ là gì?

TUẦN 26

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Cho 3 nhóm từ dưới đây. Có bạn nhận xét: “Xếp nhóm chưa chính xác”.

Em hãy cho biết nhận xét đó đúng hay sai? Hãy chứng minh. Hãy sửa lại những chỗ xếp sai.

- Nhóm 1: truyền nghề, truyền ngôi, truyền thống, truyền thụ, truyền thuyết, truyền thần.
- Nhóm 2: truyền bá, truyền hình, truyền tin, truyền thanh, truyền miệng, truyền khẩu.
- Nhóm 3: truyền máu, truyền nhiễm, truyền tụng, truyền đạt, truyền cảm, truyền kiếp.

Bài 2: Tìm những từ ngữ dùng theo phép thay thế để liên kết câu trong các đoạn văn.

- a. Từ đó oán nặng thù sâu, hàng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, vị thần nước đánh mệt mỏi, chán chê, vẫn không thắng nổi thần núi để cưới Mị Nương đành rút quân.
- b. Khu vườn nhà Loan không rộng lắm. Nó chỉ bằng một cái sân nhỏ nhưng có bao nhiêu là cây.

Bài 3: Dùng từ ngữ thay thế cho các từ ngữ đi trước và đặt vào vị trí bỏ trống trong đoạn văn sau.

- a. Ha-li-ma lấy chồng được 2 năm. Trước khi cưới, chồng.....là một người dễ mến, lúc nào cũng tươi cười. Vậy mà giờ đây chỉ thấycau có gắt gỏng. Không biết làm thế nào.....đến nhờ vị giáo sĩ già trong vùng giúp đỡ.
- b. Trời dần về chiều, trên cành cây, chú chim họa mi cố gắng hót vài bản nhạc cuối cùng trước khi bay về tổ. Tiếng hót củacứ bay cao, bay cao mãi.

Bài 4: Đọc đoạn trích sau:

Thời trẻ, Lép Tôn-xtôi hay có những hành động bột phát. Có lúc Tôn-xtôi tự mình leo lên cây bằng một nửa mái tóc. Sau đó, Tôn-xtôi lại cạo sạch lông mày. Tôn-xtôi muốn tìm hiểu xem đối với những hành động như vậy, mọi người có phản ứng như thế nào. Có hôm, Tôn-xtôi muốn mình cũng được bay như chim. Thế là Tôn-xtôi trèo lên gác, chui qua cửa sổ lao xuống sân với đôi cánh tay dang rộng như cánh chim. Khi mọi người chạy đến, thấy Tôn-xtôi nằm ngất lịm ở giữa sân.

- a. Tìm từ trùng lặp nhiều lần trong đoạn trích trên. Có thể thay thế được bằng đại từ hoặc từ ngữ đồng nghĩa không ?
 - b. Từ ngữ thay thế ở đây là từ ngữ nào? Chép lại đoạn trích sau khi đã thay thế từ trùng lặp bằng đại từ hoặc từ ngữ đồng nghĩa.
-
-
-
-
-
-
-
-

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 27

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Hãy chọn từ trong ngoặc đơn để xác định phẩm chất truyền thống dân tộc thể hiện trong từng câu ca dao, tục ngữ (hiếu học, nhân ái, đoàn kết, lao động cần cù, yêu nước) theo bảng sau.

- Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.
- Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
- Có làm thì mới có ăn
Không dung ai để đem phần đến cho.
- Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh.
- Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

Ca dao, tục ngữ	Thể hiện phẩm chất truyền thống dân tộc.
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: Tìm các câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao dân gian có chữ cái đầu câu xếp lại thành từ NHÂN ÁI.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Hãy chọn trong số các câu viết trong khung câu đã sử dụng từ nối đúng. Ghi dấu X trước khung chữ đó.

- **Bố ơi, bố có thể viết trong bóng tối được không ?**
- **Bố viết được.**

(a) Vậy thì bố hãy tắt đèn đi và kí vào sổ liên lạc cho con.

(b) Vậy bố hãy tắt đèn đi và kí vào sổ liên lạc cho con.

(c) Song thì bố hãy tắt đèn đi và kí vào sổ liên lạc cho con.

(d) Nếu vậy thì bố hãy tắt đèn đi và kí vào sổ liên lạc cho con.

(e) Ngoài ra bố hãy tắt đèn đi và kí vào sổ liên lạc cho con.

(g) Nếu thế thì bố hãy tắt đèn đi và kí vào sổ liên lạc cho con.

(h) Tuy nhiên bố hãy tắt đèn đi và kí vào sổ liên lạc cho con.

(i) Thế thì bố hãy tắt đèn đi và kí vào sổ liên lạc cho con.

(k) Mặc dù bố hãy tắt đèn đi và kí vào sổ liên lạc cho con.

Bài 4: Dùng từ ngữ nối các câu trong những cặp câu sau:

- a. Anh ấy đến thămchúng tôi lại đi vắng.
- b. Các bạn học sinh lớp em đều thích chơi thể thao.lớp em thường tổ chức những trận đấu cầu lông, bóng bàn, đá cầu vào những ngày nghỉ học.
- c. Bạn em học giỏi nhất lớp.bạn ấy đã nhận được phần thưởng trong năm học vừa qua.
- d. Tấm là một cô gái hiền hậu. Cám là một cô gái vô cùng gian ác.
- e. Bình đã chuẩn bị đầy đủ cho cuộc hành trình.anh tin mình sẽ không gặp trở ngại nào trong chuyến đi.

Bài 5: Tác dụng của từ ngữ nối là gì?

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 28

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Nối các vế của câu ghép bằng các quan hệ từ để thể hiện quan hệ:

- a) điều kiện – kết quả, giả thiết – kết quả:
- Các bác hàng xóm sẽ chạy sang giúp ngay..... bà tôi bị mệt
 -thêm được một ít đường sữa nữa..... nôi chè này ngon tuyệt vời.
 - lúc ấy cậu về kịpđâu đến nỗi việc này xảy ra.
- b) tương phản :
- mặt trời đã đi ngủ từ lâu, chú bê vẫn thản nhiên tung tăng trên ngọn đồi sau nhà.
 - trời chưa sángcác chú bộ đội đã lên đường.
 - gặp trở ngại đến đâu, cậu ấy vẫn không bỏ cuộc.

Bài 2: Nối các vế câu ghép bằng các cặp quan hệ từ thích hợp:

- a)trời mưa rất to..... lớp vẫn đến đông đủ và đúng giờ.
- b)trời mưa rất to,gió thổi rất mạnh.
- c)trời mưa rất to..... các đường đến nhà bạn Lan đều bị ngập nước.
- d)mai trời vẫn mưa thế này..... hội thả diều làng mình phải hoãn mất.
- e) Cây cối trong vườn trĩu quả chúng được chú Ba chăm bẵm hằng ngày.
- f) mấy tháng nay chẳng có lấy một hạt mưa nào.....vườn chuối sau nhà bị tấp khô hết lá.
- g) Di tư bán quà sángđi phải dậy nhóm lò từ lúc lờ mờ đất .
- h)Mồ Côi rất sáng dạchẳng bao lâu đã học hết chữ của thầy.

Bài 3: Gạch bỏ các quan hệ từ không phù hợp trong ngoặc đơn .

Ở đây, mùa gặt hái bao giờ cũng trùng (trong, vào ,ở) (1) tháng mười, mười một, những ngày vui vẻ nhất (ở, trong) (2) năm, (và, với, hoặc) (3) mỗi năm hạt lúa chỉ đậu (trong, trên, vào) (4) tay người có một lần : tháng hai phát rẫy, tháng tư (thì , lại) (5) đốt, hạt lúa tra dưới những cái lỗ tròn đen sì chất màu mỡ (với , của) (6) tro than. Tháng chín, tháng mười, chim pít đã rủ nhau bay về từng đàn, tiếng hót riu rít cứ xoáy tròn (trên, vào, trong) (7) nắng mai (và, với, hoặc) (8) gió rét căm căm.

(Nguyễn Minh Châu)

Bài 4: Xếp các từ in nghiêng trong mẩu chuyện sau vào bảng phân loại.

Thầy giáo nói với cậu học sinh nhỏ:

- Tại sao em chẳng tiến bộ chút nào trong môn tập đọc thế? Hỏi thầy bằng tuổi em bây giờ, thầy đã đọc rất lưu loát rồi.

Đứa trẻ nhìn thầy giáo trả lời:

- Thưa thầy, có lẽ vì thầy giáo của thầy giỏi hơn ạ.
(Nụ cười tiếng Nga)

Động từ	Tính từ	Đại từ	Quan hệ từ
.....
.....

Bài 5: Viết về câu còn lại của câu ghép để thể hiện quan hệ **tăng tiến**

- a) Không chỉ có mấy bác hàng xóm chạy sang
- b) Chẳng những lũ cò trắng thôi bay về phía cù lao
- c) Không những..... mà họ còn cho những ý kiến hay và thiết thực nữa.
- d) Chẳng những..... mà các bạn ấy còn rất hào hứng tham gia các hoạt động của Liên chi Đội.

Bài 6: Tìm các từ ngữ nối có nhiệm vụ liên kết các câu trong đoạn văn sau:

Đồi trước đây hoang vu, gai góc rậm rạp. Nhưng xa kia dường như đã có chùa hoặc am, nên đồi mới mang tên núi Ông Sư. Thêm nữa trên đồi này có hai cây me già cổ, tuổi ước trên vài trăm, đứng song song một cách cân đối. Rồi am mất, cây còn lại với nắng mưa.

Theo Quách Tấn

Bài 7: Điền các quan hệ từ thích hợp để nối các vế của các câu ghép trong đoạn văn sau :

Sen này mọc thấp lè tè..... hoa của nó rất cao hoa có cánh nhỏ..... nó có mùi hương rất đặc biệt. Ông rất quý loài sen này..... nó còn là một vị thuốc chữa bệnh nữa.

Bài 8: Điền các cặp từ hô ứng để nối các vế của câu ghép sau:

- Máu chảy đến..... , ruồi bâu đến.....
 -đổ ông nghe,..... đe hàng tổng.
- (từ để điền : chưa, đây, đâu, đã)

Bài 9: Đặt câu ghép có những cặp từ hô ứng sau để nối các vế câu.

- a.bao nhiêu.....bấy nhiêu
 - b.chưa.....đã.....
 - c.có.....mới.....
 - d.nào.....ấy.....
-
-
-
-

Bài 10: Điền các từ thích hợp để liên kết các câu trong đoạn văn sau:

Nguyễn Hiền là cậu bé nhà nghèo,mồ côi cha từ rất sớm. Cha..... bị chết trong cảnh loạn li tranh chấp của bọn chúa đất Đoàn Thượng và Nguyễn Nộn. Mẹ ... bé trốn chạy. Khi giặc đã yên,đưa con về làm một cái túp lều trên mảnh đất ở vườn sau chùa làng Dương A.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 29

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Chép lại câu chuyện dưới đây và đặt đúng dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi, chấm than vào chỗ có gạch (/).

Quả lê

Bé cầm quả lê to / Bé hỏi:

- Lê ơi / Sao lê không chia thành nhiều múi như cam / Có phải lê muốn dành riêng cho tôi không /
Quả lê đáp:
- Tôi không dành riêng cho bạn đâu / Tôi không chia thành nhiều múi để bạn biếu cả quả cho bà đấy /
Bé reo lên:
- Đúng rồi /
Rồi bé đem quả lê biếu bà /

Bài 2: Đặt câu với mỗi nội dung dưới đây và dùng dấu câu thích hợp.

- Hỏi bạn về ước mơ làm một nghề khi lớn lên.
.....
- Khuyên em trai cần đánh răng sạch trước khi đi ngủ.
.....
- Nhờ một người lớn đưa qua đường lúc có nhiều xe cộ.
.....
- Bộc lộ sự ngạc nhiên, vui thích khi được xem xiếc thú.
.....

Bài 3: Hãy viết một đoạn hội thoại, trong đó có sử dụng câu kể, câu hỏi, câu cảm. Chú ý dùng dấu câu đúng vị trí cần thiết.

Bài 4: Điền dấu câu vào ô trống thích hợp.

- Các em hãy về nhà làm bài tập đầy đủ
- Khi nào trường chúng ta mới tổ chức c trại
- Tôi luôn mong ước ba mẹ tôi thật khỏe mạnh
- Cái hương vị ngọt ngào nhất của tuổi học trò đọng lại mãi trong tâm hồn chúng em
- Anh về lúc nào à không báo cho ai biết cả vậy
- Ở Trường Sơn, mỗi khi trời nổi gió, cảnh tượng t là dữ dội



- Chị giúp em mở cánh cửa nhé
- Trời, mình lỡ tay làm vỡ lọ hoa này rồi
- Ông ta gắng hỏi mãi nhưng không ai trả lời

Bài 5: Em hãy nêu tác dụng của dấu chấm, tác dụng của dấu chấm hỏi, tác dụng của dấu chấm than.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 30

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Đặt dấu phẩy vào mỗi câu dưới đây và cho biết tác dụng của dấu phẩy đó trong câu.

- Trong lớp tôi thường xung phong phát biểu ý kiến.
- Cô giáo khen cả nhóm làm bài tốt cho mỗi bạn một điểm mười.
- Các bạn nữ lau bàn ghế các bạn nam quét lớp.
- Lung con cào cào và đôi cánh mỏng manh của nó tô màu tía nom đẹp lạ.
- Ngày qua trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông những chùm hoa khép miệng bắt đầu kết trái.
- Sóng nhẹ nhẹ liếm vào bãi cát bọt tung trắng xoá.
- Vì những điều đã hứa với cô giáo nó quyết tâm học thật giỏi.
- Những chú voi chạy đến đích đầu tiên đều ghìim đà hươ vùi.

Bài 2: Nêu tác dụng của dấu phẩy và lấy ví dụ theo bảng dưới đây.

Tác dụng của dấu phẩy	Ví dụ
.....
.....
.....

Bài 3: Có thể điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào vị trí nào trong đoạn văn sau. Viết lại các chữ đầu câu cho đúng quy tắc.

a. ... Với tôi cũng vậy mẹ là người quan tâm đến tôi nhất và cũng là người mà tôi yêu thương và mang ơn nhất trên đời này tôi in thường nghĩ rằng mẹ tôi không đẹp khô đẹp vì không có cái nước da trắng k n mặt tròn phúc hậu hay đôi mắt long lanh... mà mẹ chỉ có khuôn mặt gầy rám nắng vàng trán cao những nếp nhăn của cái tuổi 40 của bao âu lo trong đời in hằn trên khóe mắt nhưng bố tôi bảo mẹ đẹp hơn những phụ nữ khác ở cái vẻ đẹp trí tuệ ng vậy ẹ tôi thông minh nhanh nhẹn tháo v ả trên cu g vị của một người lãnh đạo ai cũn ghĩ mẹ là người lạnh lùng nghiêm khắc

b. Bé mới mười tuổi bữa con Bé nhường hết thức ăn cho e hằng ngày Bé đi câu cá bóng về bả sả hoặc đi lượm vỏ đạn giặc ở ngoài gò về cho mẹ ầy cái thau vung nào gĩ người ta vớt é đem về cho ông Mười quân giới.

Bài 4: - **Dấu phẩy trong câu, “Buổi chiều, ngoài bến sông, lũ trẻ dắt trâu đi tắm, cười đùa âm ỉ.” Có tác dụng gì?**

- a. Ngăn cách các bộ phận cùng làm trạng ngữ trong câu.
- b. Ngăn cách các bộ phận cùng làm vị ngữ trong câu.
- c. Ngăn cách các bộ phận trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ trong câu.
- d. Tất cả đều đúng.

- **Dấu phẩy trong câu, “Sóng to, gió lớn, nước ngập vào cả khoang tàu.” Có tác dụng gì?**

- a. Ngăn cách các bộ phận trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ trong câu.
- b. Ngăn cách các vế trong câu ghép.
- c. Ngăn cách các bộ phận cùng làm trạng ngữ trong câu.
- d. Ngăn cách các bộ phận cùng làm chủ ngữ trong câu.

- **Em hãy chọn câu có dấu phẩy dùng để ngăn cách các bộ phận cùng làm chủ ngữ trong câu.**

- a. Bạn Hoa, bạn Minh là học sinh xuất sắc của lớp 5 A.
- b. Để có một ngày trại vui vẻ và bổ ích, chúng em đã chuẩn bị rất chu đáo.
- c. Vì bạn ôn bài, Lan không về quê thăm ngoại được.
- d. Trời chuyển mưa, gió thổi mạnh.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 31

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Tìm và xếp thành 2 nhóm những từ ngữ có chứa tiếng nam và những từ ngữ có chứa tiếng nữ.

Những từ ngữ có chứa tiếng nam	Những từ ngữ có chứa tiếng nữ.
.....
.....
.....

Bài 2: Đặt dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong những đoạn văn sau.

Tôi chạy vội vào phòng khóa cửa mặc cho bố cứ gọi mãi ở ngoài. Tôi đã khóc khóc nhiều lắm ướt đầm chiếc gối nhỏ. Đêm càng về khuya tôi thao thức

trần trọc. Có cái cảm giác thiếu vắng hụt hẫng mà tôi không sao tránh được. Tôi đã tự an ủi mình bằng cách tôi đang sống trong một thế giới không có mẹ không phải học hành sẽ rất hạnh phúc. Nhưng đó đâu lấp đầy được cái khoảng trống trong đầu tôi. Phải chăng tôi thấy hối hận? Phải chăng tôi đang thêm khát yêu thương?

Bài 3: Đặt câu:

5 câu có dấu phẩy dùng để ngăn cách các bộ phận trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ trong câu.

5 câu có dấu phẩy dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép.

5 câu có dấu phẩy dùng để ngăn cách các bộ phận cùng giữ chức vụ trong câu.

Bài 4: Người phụ nữ Việt Nam có các đức tính cao đẹp : đức hi sinh, đảm đang, anh hùng, dịu dàng, khéo léo. Các câu tục ngữ dưới đây thể hiện phẩm chất nào vừa được kể đó của người phụ nữ Việt Nam?

Câu tục ngữ	Phẩm chất của người phụ nữ
Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn.
Nhà khó cậy vợ hiền, nước loạn nhờ tướng giỏi.
Mẹ dạy thì con khéo, bố dạy thì con khôn.

Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh.

.....

Bài 5: Điền từ **trai** hay **nam**, **gái** hay **nữ** vào chỗ trống trong các thành ngữ, tục ngữ, câu văn dưới đây sao cho thích hợp.

- Làm cho đáng nên
Phú Xuân cũng trai, Đồng Nai đã từng.
- Luật pháp đã quy định rõ quyền bình đẳng giữa và
-tài.....đảm.
- Những bộ đồng phục....., đồng phụccủa trường em rất đẹp.
-mà chi,mà chi
Sinh con có nghĩa có nghì là hơn.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5

TUẦN 32

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Có thể điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào vị trí nào trong đoạn văn sau. Viết lại các chữ đầu câu cho đúng quy tắc.

Mẹ ơi mẹ hy sinh cho con nhiều đến thế mà chưa bao giờ mẹ đòi con trả công là người mẹ tuyệt vời nhất cả nhất đại nhất suốt đời này có ai bằng mẹ đâu có sẵn sàng che chở cho con bất cứ lúc nào ôi mẹ yêu của con! Giá như con đủ can đảm để nói lên ba tiếng: “ Con yêu mẹ! ” thôi cũng được như con đâu dững cảm con điệu đà ủy mị chứ đâu được nghiêm khắc như mẹ con viết những lời này dòng này mong mẹ hiểu lòng con hơn mẹ đừng ng có khi con chống đối lại mẹ là vì con không thích mẹ con mãi yêu mẹ vui khi có mẹ buồn khi mẹ gặp đi không may mẹ là cả cuộc đời của con

Bài 2: Nêu tác dụng của dấu hai chấm trong mỗi trường hợp sau:

- Mẹ khóc, nói: “ Mẹ xin lỗi con, mẹ không nên xem bí mật của con. Con ... con tha thứ cho mẹ, nghe con.”

b. Chúng em luôn giữ gìn và bảo vệ hàng cây bàng: không trèo cây, không bẻ cành, lấy quả, không khắc chữ trên thân cây.

c. Vị bác sĩ điềm tĩnh hỏi:

- Anh bảo tôi phải không ?

Bài 3: Đặt câu có sử dụng dấu hai chấm cho mỗi trường hợp sau.

a. Dùng dấu hai chấm để báo hiệu bộ phận sau nó là lời nói của nhân vật.

b. Dùng dấu hai chấm để báo hiệu bộ phận sau nó là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.

c. Dùng dấu hai chấm (phối hợp với dấu ngoặc kép) để báo hiệu bộ phận đứng sau nó là một thành ngữ (hoặc tục ngữ) mà em dẫn ra.

Bài 4: Nêu tác dụng của **dấu phẩy** và **dấu hai chấm** trong trường hợp sau.

Ngẫm nghĩ một lát, quan ôn tồn bảo:

- Hai người đều có lí nên ta xử thế này: tấm vải xé đôi, mỗi người một nửa.

Câu văn	Tác dụng của dấu câu
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: Viết một đoạn văn tả quang cảnh trường em trong đó sử dụng dấu phẩy và dấu hai chấm.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5 TUẦN 33

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Một nhóm bạn đã tìm được một số hình ảnh so sánh để làm nổi bật vẻ đẹp của trẻ em nhưng các bạn ấy còn lúng túng trong việc xác định ý nghĩa của vẻ đẹp so sánh trong từng câu. Em hãy đọc và hoàn chỉnh cho bạn nhé.

Câu có hình ảnh so sánh	Ý nghĩa của hình ảnh so sánh
Trẻ em như búp trên cành.	M: So sánh để làm nổi bật sức sống triển vọng tốt đẹp.
Trẻ em như tờ giấy trắng.
Trẻ em như nụ hoa mới nở.
Trẻ em là tương lai của đất nước.
Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai.
Lũ trẻ ríu rít như một bầy chim non.
Cô bé trông hệt như một bà cụ non.

Bài 2: Tìm 5 từ láy thường chỉ giọng nói, cách nói của trẻ em. Đặt câu với mỗi từ đó.

Bài 3: Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép trong những trường hợp sau :

a. Điều bất ngờ là tất cả học sinh lần lượt giới thiệu bằng tiếng Việt: “Em là Mô- ni-ca ”, “Em là Giét-xi-ca”...

b. Về phần mình, các em đặt cho chúng tôi rất nhiều câu hỏi về thiếu nhi Việt Nam: “Học sinh Việt Nam học những môn gì?”

c. Có chú tắc kè hoa
Xây “lâu” trên cây đa.

Bài 4: Đặt dấu ngoặc kép vào vị trí cần thiết trong những câu sau:

- Tôi chỉ muốn nói: Mẹ ơi lỗi tại con, tại con hư, tất cả tại con mà thôi.
- Bài làm của bạn ấy kém quá, cô giáo cho một con ngỗng rất to.
- Linh Nga chẳng những học giỏi mà còn là một cây văn nghệ của lớp.
- Lớp trưởng vừa thông báo : Hôm nay chúng ta đi thăm cô giáo bị bệnh.

Bài 5: Chuyển những câu đối thoại từ hình thức gạch đầu dòng sang hình thức dùng dấu ngoặc kép.

Lượm bước tới gần đồng lúa. Giọng em rung lên:

- Em xin được ở lại. Em thà chết trên chiến khu còn hơn về ở chung, ở lộn với tụi Tây, tụi Việt gian.....
Cả đội nhao nhao :
- Chúng em xin ở lại.

Câu 6: Đoạn văn dưới đây có những câu cần đặt dấu ngoặc kép để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật. Em hãy viết lại những câu đó và đặt dấu ngoặc kép cho đúng.

Mèo con nhảy một cái thật cao theo bướm, rồi cuộn tròn lẳng lốc giữa sân, cho đến lúc chạm bịch vào gốc cau. Rì rào, rì rào, con mèo nào mới về thế ? Cây cau lắc lư chòm lá trên cao tíh hời xuống. Rì rào, rì rào, chú bé leo lên đây nào ! Mèo con ôm lấy thân cau, trèo nhanh thoăn thoắt. Rì rào, rì rào, ừ chú trèo khá đấy ! Mèo con ngứa vuốt, cào cào thân cau sồn sột. Ấy, ấy ! Chú làm xước cả mình tôi rồi, để vuốt sắc mà bắt chuột chứ ! Mèo con tiu nghỉu cúp tai lại, tụt xuống đất. Rì rào, rì rào, chòm cau vẫn lắc lư trên cao.

Câu 7: Tả một người mà em hằng yêu thương, có nhiều ấn tượng sâu sắc đối với em.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5
TUẦN 34

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1: Chia những dòng từ ngữ dưới đây thành 2 nhóm : từ ngữ nói về **quyền** của trẻ em và từ ngữ nói về **bổn phận** của trẻ em.

- Được chăm sóc , bảo vệ sức khỏe
- Yêu quý, kính trọng, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ
- Khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền tại cơ sở y tế công lập
- Lễ phép với người lớn, thương yêu em nhỏ
- Thực hiện trật tự công cộng và an toàn giao thông
- Học trường tiểu học công lập không phải trả tiền học phí

Từ ngữ nói về quyền của trẻ em	Từ ngữ nói về bổn phận của trẻ em.
.....
.....
.....

Bài 2: Xác định nghĩa của các từ **bổn phận, địa phận, phận sự** bằng cách nối từ với nghĩa phù hợp.



Phần việc thuộc trách nhiệm của một người.



Phần đất thuộc một địa phương, một nước, một đối tượng.



Phần việc phải lo liệu, phải làm, theo đạo lí thông thường.

Bài 3: Dùng dấu gạch ngang thay cho dấu ngoặc kép trong câu sau:

- a. Bố nói với Hùng: “Con nhớ học bài sớm rồi đi ngủ đây!”
- b. Chẳng bao lâu, lại có kẻ đem cây gậy cũ kĩ đến bảo: “Đây là cây gậy cụ tổ Chu Văn Vương dùng lúc chạy loạn, còn xưa hơn manh chiếu của Khổng Tử mấy trăm năm.”

Bài 4: Nêu tác dụng của dấu phẩy và lấy ví dụ theo bảng dưới đây.

Tác dụng của dấu gạch ngang	Ví dụ
.....
.....
.....

Bài 5: Hãy thay dấu phẩy tương ứng về tác dụng bằng dấu gạch ngang.

- a. Anh Nguyễn Xuân Tâm, tổ trưởng tổ lao động, giới thiệu thành phần của tổ, công việc tổ đang đảm nhiệm, kế hoạch công tác của tổ.
- b. Cô Lan, mẹ của Liên, đang trên đường trở về quê.

BÀI TẬP TIẾNG VIỆT NÂNG CAO LỚP 5
TUẦN 35

Họ và tên :Lớp 5...

Bài 1:

a. Điền từ **trẻ** hoặc **già** vào chỗ trống trong các thành ngữ, tục ngữ dưới đây.

(1)thì dưỡng cây,thì cây dưỡng.

(2).....được bát canh,.....được manh áo mới.

(3).....trông na,.....trông chuối.

(4) Đi hỏi....., về nhà hỏi

(5) Yêu,hay đến nhà, kính.....,để tuổi cho.

b. Nêu nội dung, ý nghĩa của câu (1); (5)

Bài 2: Đặt câu nói về việc học tập và rèn luyện của em, trong đó có sử dụng trạng ngữ theo yêu cầu dưới đây:

- a. Câu có trạng ngữ chỉ thời gian và trạng ngữ chỉ nơi chốn.
- b. Câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân (hoặc trạng ngữ chỉ mục đích).
- c. Câu có trạng ngữ chỉ thời gian và trạng ngữ chỉ phương tiện.

Bài 3: Em hãy đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Mẹ phải nghỉ ở nhà, bố đi công tác xa. Mơ là hết mọi việc trong nhà giúp mẹ. Tối, mẹ ôm Mơ vào lòng thủ thủ: “Đừng vất vả thế, để sức mà lo học, con ạ!”. Mơ nép vào ngực mẹ, thì thào: “Mẹ ơi, con sẽ cố gắng thay một đứa con trai trong nhà, mẹ nhé!”. Mẹ ôm chặt Mơ, trào nước mắt.

- a. Câu thứ nhất trong đoạn văn trên là câu ghép hay câu đơn? Nếu là câu ghép thì hãy tìm các vế của nó và nêu cách thức nối các vế đó.
- b. Hãy chuyển những dấu ngoặc kép trong đoạn thành dấu gạch ngang đầu dòng để đánh dấu lời nói của nhân vật.
- c. Nêu tác dụng của dấu phẩy trong 3 trường hợp khác nhau ở đoạn văn trên.

Bài 4: Đọc đoạn văn và hoàn thành bảng ở phía dưới.

Năm 1948, bác sĩ Đặng Văn Ngữ rời Nhật Bản về nước tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Để tránh bị địch phát hiện, ông phải vòng từ Nhật Bản qua Thái Lan, sang Lào, về Nghệ An, rời từ Nghệ An lên Việt Bắc. Dù băng qua rừng rậm hay suối sâu, lúc nào ông cũng giữ bên mình chiếc va li đựng nắm pê-ni-xi-lin mà ông gây được từ bên Nhật. Nhờ va li nắm này, bộ đội ta đã chế được thuốc chữa cho thương binh.

Loại trạng ngữ	Trả lời cho câu hỏi	Câu văn
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5:

a. Trong câu văn “Để tránh bị địch phát hiện, ông phải vòng từ Nhật Bản qua Thái Lan, sang Lào, về Nghệ An, rồi từ Nghệ An lên Việt Bắc.”, dấu phẩy có tác dụng gì ?

b. Trong câu văn “Nhờ va li nầm này, bộ đội ta đã chế được thuốc chữa cho thương binh.”, có thể thay từ **nhờ** bằng từ nào mà vẫn diễn đạt được nội dung cơ bản như cũ.

Bài 6: Lập bảng tổng kết về các kiểu câu kể theo những yêu cầu sau:

- Cấu tạo của chủ ngữ và vị ngữ.
- Ví dụ tiêu biểu.

Kiểu câu	Cấu tạo		Ví dụ
	Chủ ngữ	Vị ngữ	
.....
.....
.....

Bài 7: Lập bảng tổng kết về trạng ngữ theo những yêu cầu sau:

Các loại trạng ngữ	Trả lời cho câu hỏi	Ví dụ
.....

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 8: Lập bảng tổng kết về dấu câu theo những yêu cầu sau:

Dấu câu	Tác dụng	Ví dụ
Dấu chấm
Dấu chấm hỏi
Dấu phẩy

Dấu chấm than
Dấu ngoặc kép
Dấu gạch ngang
Dấu hai chấm

Bài 9: Lập bảng tổng kết về cách nối các vế câu ghép theo những yêu cầu sau:

Dùng từ nối	Quan hệ từ	Nguyên nhân- Kết quả	VD:.....
		Điều kiện- Kết quả	VD:.....
		Tương phản	VD:.....
		Tăng tiến	VD:.....
	Từ hô ứng	VD:.....	
Không dùng từ nối	Dấu phẩy	VD :.....		
	Dấu chấm phẩy	VD :.....		
	Dấu hai chấm	VD :.....		

Bài 10: Lập bảng tổng kết về liên kết các câu theo những yêu cầu sau:

Cách liên kết câu	Ví dụ	
Lặp từ ngữ	Thế bằng đại từ
Thay thế từ ngữ	Thế bằng từ đồng nghĩa
Từ ngữ nối	